

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN NGỮ VĂN 10
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Chủ đề / Nội dung		Mức độ			Tổng số
		Biết	Hiểu	Vận dụng	
Đọc hiểu	Văn bản thơ (tương đương thể thơ, đề tài với các văn bản ở Bài 2 trong SGK)	Xác định thể thơ của bài thơ/đoạn thơ. Nhận biết đối tượng miêu tả và châm biếm trong bài thơ. Chỉ ra bố cục của bài thơ. Nhận biết phép đối được sử dụng trong bài thơ.	Giải nghĩa từ ngữ trong bài thơ. Nêu nội dung của một số câu thơ. Nêu đặc điểm/tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.	Nhận xét về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ. Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.	
	Số câu	4	4	2	10
	Số điểm	2,0	2,0	1,0	5,0
	Tỉ lệ	20%	20%	10%	50%
Viết	Viết bài văn nghị luận xã hội.			Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.	
	Số câu Số điểm			1 5,0	1 5,0

	Tỉ lệ			50%	50%
Tổng số		4	4	3	11
		2,0	2,0	6,0	10
		20%	20%	60%	100%

Chú thích:

Mức độ đánh giá: chia làm 3 mức độ theo yêu cầu về KTĐG của CT Ngữ văn 2018 (biết, hiểu, vận dụng)

Các chuẩn / tiêu chí kiểm tra và đánh giá hoạt động đọc hiểu: căn cứ vào yêu cầu cần đạt của đọc hiểu văn bản thơ trong CT Ngữ văn 2018 và SGK *Ngữ văn 10* – Bộ Cánh Diều (Bài 2).

Các tiêu chí kiểm tra và đánh giá hoạt động viết: căn cứ vào yêu cầu cần đạt của hoạt động viết trong CT Ngữ văn 2018 và SGK *Ngữ văn 10* – Bộ Cánh Diều (Bài 1).

Thang điểm: 10.

SỞ GD&ĐT.....
TRƯỜNG.....
(Đề thi gồm có ... trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: NGỮ VĂN 10
(Thời gian làm bài: 90 phút)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

VỊNH TIẾN SĨ GIẤY (BÀI 2)

Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai.

Cũng gọi ông nghề có kém ai.

Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng⁽¹⁾,

Nét son điểm rõ mặt văn khôi⁽²⁾.

Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?

Cái giá khoa danh ấy mới hời⁽³⁾!

Ghế tréo, lọng xanh ngồi bảnh choẹ,

Nghĩ rằng đồ thật, hoá đồ chơi!

(Nguyễn Khuyến, Dẫn theo <https://www.thivien.net>)

(1) giáp bảng: bảng đề tên từ học vị Tiến sĩ trở lên.

(2) văn khôi: đầu làng văn. Ở đây chỉ người đỗ đạt cao.

(3) hời: giá rẻ.

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 8:

Câu 1. Bài thơ được làm theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn bát cú Đường luật
- B. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

- C. Ngũ ngôn bát cú Đường luật
- D. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật

Câu 2. Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào?

- A. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối)
- B. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)
- C. Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc bốn phần (mỗi phần 2 câu)
- D. Ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối) hoặc ba phần (2 câu đầu, 2 câu tiếp và 4 câu cuối)

Câu 3. Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?

- A. 1 – 2 và 3 – 4
- B. 3 – 4 và 5 – 6
- C. 5 – 6 và 7 – 8
- D. 1 – 2 và 7 – 8

Câu 4. Trường hợp nào không phải là đối tượng miêu tả và châm biếm trong bài thơ?

- A. Những người đỗ tiến sĩ bằng tài năng thực sự và đem cái tài của mình ra phục vụ cho đất nước.
- B. Chính con người tác giả với thân phận éo le và tình cảnh trở trêu của ông.
- C. Những đồ chơi hình ông tiến sĩ làm bằng giấy cùng một ít phẩm màu xanh đỏ, dành cho trẻ em trong dịp tết Trung thu.
- D. Những kẻ mang danh khoa bảng mà không có thực chất, luôn vênh vang không biết liêm sỉ.

Câu 5. Nét nghĩa nào phù hợp với từ “cũng” (được lặp lại bốn lần) trong hai câu đầu bài *Vịnh tiến sĩ giấy* của Nguyễn Khuyến?

- A. Như mọi trường hợp thông thường, mặc dù hoàn cảnh, điều kiện trong trường hợp nêu ra là khác thường.
- B. Như những trường hợp tương tự, theo nhận định chủ quan của người nói (dùng để làm cho lời nói bớt vẻ khẳng định).
- C. Đồng thời diễn ra trong một hoàn cảnh, điều kiện.
- D. Không khác, so với trường hợp nêu ra hoặc so với những trường hợp thông thường, hay là với trước kia.

Câu 6. Hàm ý của hai câu thực trong bài thơ là gì?

- A. Nói về sự màu mè, lòe loẹt của những ông “tiến sĩ đồ chơi”.
- B. Nói về sự sang trọng, quý phái của những ông nghề “thật”.
- C. Nói về giá trị xoàng xĩnh của những ông nghề “thật”.
- D. Nói về sự danh giá, cao quý của những ông nghề “thật”.

Câu 7. Nội dung của câu thơ kết bài là gì?

- A. Tác giả cho rằng những ông nghề thật chỉ đáng là đồ chơi cho trẻ con.
- B. Nêu lên một phát hiện của nhà thơ về bản chất của những ông tiến sĩ giấy.
- C. Nêu lên sự nhầm lẫn của tác giả khi quan sát những ông tiến sĩ giấy.
- D. Tác giả lột trần thực chất trống rỗng của những người mua danh ông nghề.

Câu 8. Nhận định nào không đúng mục đích của tác giả Nguyễn Khuyến khi sáng tác bài thơ?

- A. Tự cười về sự bất lực của mình trước những đòi hỏi của thời cuộc.
- B. Châm biếm, phê phán tệ mua quan bán tước đương thời.
- C. Chỉ ra mâu thuẫn giữa cái danh và cái thực trong những ông tiến sĩ thật.
- D. Phê phán việc triều đình bấy giờ không chọn đúng người hiền tài.

Câu 9. Qua bài thơ, anh / chị cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Khuyến? Trả lời trong khoảng 5 - 7 dòng.

Câu 10. Từ bài thơ, anh/ chị rút ra được bài học gì cho bản thân? Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

Viết bài thuyết phục người bạn từ bỏ một thói quen xấu.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: NGỮ VĂN

Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Đáp án: 1 – A, 2 – C, 3 – B, 4 – A, 5 – D, 6 – C, 7 – D, 8 – D.

Câu 9. HS nêu suy nghĩ của cá nhân, viết đúng dung lượng. Qua bài thơ, Nguyễn Khuyến hiện lên là người có tấm lòng yêu nước thương dân, có trách nhiệm với dân, với nước. Bởi vậy ông luôn đau đớn, trăn trở trước những vấn nạn của xã hội đồng thời nhà thơ cũng luôn cảm thấy băn khoăn, day dứt vì mình cũng là một tiến sĩ giấy, không làm được điều gì có ích cho dân, cho nước.

Câu 10. HS trả lời theo suy nghĩ của cá nhân, có lí giải hợp lí, viết đúng dung lượng. Bài thơ đã mang đến cho người đọc những suy nghĩ sâu sắc về cái danh và cái thực, về thái độ cần có của người có học trong thời cuộc. Sống ở trên đời không nên coi trọng hư danh. Điều quan trọng là làm được gì có ích cho đời chứ không nên theo đuổi hư danh hão huyền. Người có học phải ý thức được vị trí và trách nhiệm của mình trước cuộc đời. Phải sống sao để không trở thành kẻ vô tích sự với cuộc đời.

Phần II. Viết (5,0 điểm)

*** Yêu cầu chung:** HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận xã hội. Bài viết phải có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

*** Yêu cầu cụ thể:**

Bài viết cần đảm bảo các yêu cầu sau:

Có bố cục 3 phần đầy đủ, rõ ràng. (0,5 điểm)

Viết bài thuyết phục người bạn từ bỏ một thói quen xấu.

Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề bài viết

Thân bài: Sắp xếp các ý theo một trình tự khác nhau, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục bạn thân từ bỏ thói quen xấu đó

+ Những lí do để từ bỏ thói quen xấu đó

+ Nêu cách từ bỏ thói quen đó

Kết bài: Khẳng định lại thông điệp